TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 12-9-2019
V/v: Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Nguyễn Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/HNGĐ-PT ngày 08/01/2019 về việc: *"*Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn*"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Kim C, sinh năm 1995; trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

Bị đơn: Anh Lê Nguyên D, sinh năm 1993; trú tại: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. "Có mặt"

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, là Luật sư của Công ty luật A, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. "Có mặt"

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Phạm Thị G, sinh năm 1983 "Có mặt"

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1978 "Có mặt"

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Những người làm chứng:

- Chị Dương Thị Ngọc Y, sinh năm 1984 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Anh Lê Văn D1, sinh năm 1990 "Có mặt"

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Anh Lê Thanh Tr, sinh năm 1998 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B tỉnh Bình Phước.

- Chị Đặng Kim T1, sinh năm 1980 "Có mặt"

Địa chỉ: Ấp Tân Hội, xã Tân Thành, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1998 "Vắng mặt"

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bà Lê Thị O, sinh năm 1969 "Có mặt"

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Võ Thị Kim C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị G, bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thị Kim C trình bày:

Chị Võ Thị Kim C và anh Lê Nguyên D tự nguyện kết hôn vào tháng 10/2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống và nhiều vấn đề khác nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C và anh D thuận tình ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, chị C và anh D có 01 (một) con chung tên Lê Nhật T, sinh ngày 03-01-2015, hiện cháu T đang sống cùng với anh D. Chị C và anh D thỏa thuận khi ly hôn thì anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và chị C không cấp dưỡng nuôi con do hiện nay chị C thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung:

Nguyên đơn chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc anh D cho rằng chị có trúng 01 tờ vé số giải đặc biệt vào ngày 02-8-2017 của Công ty xổ số kiến thiết (XSKT) tỉnh Đồng Nai với số tiền 2.000.000.000 đồng và yêu cầu chia đôi giải thưởng này thì chị C không đồng ý. Chị C khẳng định không trúng vé số như anh D trình bày, mà người trúng vé số là Dì ruột của chị C (tức bà Phạm Thị G).

Bị đơn anh D trình bày: Anh D thống nhất với chị C về quan hệ hôn nhân và con chung. Tuy nhiên, về tài sản chung thì anh D cho rằng: Vào ngày 02-8-2017, chị C có trúng 01 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai, giải đặc biệt 2.000.000.000đồng, việc chị C trúng vé số có nhiều người làm chứng biết và được người bán vé số xác nhận. Sau khi trừ thuế các chi phí thì còn lại 1.600.000.000đ (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Anh D yêu cầu chị C chia cho anh ½ số tiền thưởng đó là 800.000.000đ. Ngoài ra anh D không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị G trình bày: Vào ngày 02-8-2017, chị có trúng 01 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai, giải đặc biệt 2.000.000.000đ, tờ vé số trúng thưởng có dãy số là 457308, chứ không

phải chị C là người trúng số. Nay anh D yêu cầu chị C phải thanh toán ½ số tiền trúng số thì bà G yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho chị theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng gồm: Chị Dương Thị Ngọc Y, anh Lê Văn D1, chị Lê Thanh Tr, chị Đặng Kim T1, chị Nguyễn Thị Quỳnh N xác định chị C là người trúng 01 tờ vé số giải đặc biệt của Công ty XSKT tỉnh Đồng Nai vào ngày 02-8-2017.

Quá trình xét xử của Tòa án nhân dân các cấp:

Tại Bản án sơ thẩm số 11/2018/HNGĐ-ST ngày 30-3-2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (xét xử sơ thẩm lần 1) đã quyết định: Công nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Võ Thị Kim C và anh Lê Nguyên D. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao con chung Lê Nhật T, sinh ngày 03-01-2015 cho anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Chị C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung, nợ chung: Không chấp nhận yêu cầu của anh D đòi chị C chia cho anh số tiền 800.000.000đ.

*Tại Bản án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm số 13/2018/HNGĐ-PT ngày 28/6/2018 đã quyết định***:** Giữ nguyên Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung, tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung giải quyết về tài sản.

*Tại Bản án sơ thẩm số số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 huyện B, tỉnh Bình Phước (*xét xử sơ thẩm lần 2*) đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59, Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Nguyên D

Buộc bà Phạm Thị G có trách nhiệm trả 650.000.000đ (sáu trăm năm mươi triệu đồng), bà Phạm Thị T phải có trách nhiệm trả 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) cho anh Lê Nguyên D.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn chị Võ Thị Kim C có đơn kháng cáo với Bản án sơ thẩm với lý do: Chị C không phải là người trúng số mà người trúng số là dì của chị C là Phạm Thị G. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 huyện B, tỉnh Bình Phước.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với lý do: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bà có nghĩa vụ trả cho anh Lê Nguyên D số tiền 650 triệu là không đúng vì vợ chồng C, D không trúng số người trúng số là bà G. Hơn nữa, việc

chia tài sản chung của vợ chồng C, D không liên quan đến bà. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng hủy bỏ trách nhiệm buộc bà phải trả cho anh D số tiền 650 triệu đồng.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T có đơn kháng cáo đối với Bản án sơ thẩm với lý do: Việc vợ chồng C, D chia tài sản chung của vợ chồng không liên quan đến bà. Số tiền 300 triệu là tiền của bà G trả tiền làm ăn giữa bà và bà G. Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bà không phải trả cho anh D số tiền 150 triệu đồng.

*** Tại phiên tòa:**

- Chị C, bà G, bà T giữ nguyên kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về việc khởi kiện chị C chia tài sản chung.

- Anh D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh D đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, bà T giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết án tại cấp sơ thẩm, Thẩm phán chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đông xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đặc biệt là công văn trả lời của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai xác định các chứng cứ bà T1 cung cấp là không có thật. Đề nghị bác yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Nguyên D. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, bà T

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, thẩm vấn công khai các đương sự tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về xác định quan hệ pháp luật:*

Theo đơn khởi kiện ngày 27/9/2017 (BL01), nguyên đơn chị C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D, yêu cầu được nuôi con chung, ngày 16/10/2017 anh D có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án sơ thẩm xác đinh quan hệ tranh chấp là tranh chấp ly hôn, con chung và chia tài sản chung khi ly hôn. Sau khi xét xử sơ thẩm (lần 1), Quyết định của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân và con chung các đương sự không ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, do đó về quan hệ hôn nhân và con chung có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, đối với quyết định về chia tài sản chung theo đơn yêu cầu phản tố của anh D đã bị Tòa án cấp phúc thẩm hủy do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập, xác minh chứng cứ chưa đầy đủ. Vì vậy, khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm (lần 2), vụ

án này phải được xác định là "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn", đây là loại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn" là chưa chính xác.

[2] *Về việc thay đổi địa vị tố tụng*: Theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự thì chỉ trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố thì khi đó mới thay đổi địa vị tố tụng và bị đơn trở thành nguyên đơn. Tuy nhiên, như đã phân tích tại mục [1] Bản án sơ thẩm chỉ bị hủy về việc chia tài sản chung nên khi Tòa án thu lý lại để giải quyết thì tiếp tục xem xét đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Nguyên D mà không thay đổi địa vị tố tụng nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết đinh thay đổi địa vị tố đúng là không chính xác.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn chị Võ Thị Kim C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G và bà Phạm Thị T là trong hạn luật định, hợp lệ cần được Hội đồng xét xử xem xét nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của chị C, bà G, bà T Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo anh Lê Nguyên D cho rằng ngày 02/8/2017 trong lúc đang đi làm ở huyện Lộc Ninh thì chị C vợ anh D gọi điện thoại cho anh D nói rằng chị C trúng 01 tờ vé số độc đắc của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai với dãy số 457308, giá trị giải thưởng là 02 tỷ đồng. Sau đó anh D chạy về dò lại thì có thấy trúng và tổ chức ăn mừng có mời một số bạn bè tham gia. Ngày hôm sau anh D, chị C và cùng một số người cùng đi đến Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai để nhận thưởng gồm bà Phạm Thị G (là dì ruột của chị C), anh Lê Văn D1 (là bà con của anh D), ông Ngoại nuôi và chị Dương Thị Ngọc Y. Do anh D và chị C không có thẻ tài khoản ATM ngân hàng cho nên nhờ bà G đứng lãnh dùm. Sau khi trừ chi phí thuế thu nhập cá nhân còn lại 1.801.000.000 đồng, do đây là tài sản thu nhập trong thời kỳ hôn nhân cho nên anh D đề nghị Hội đồng xét xử chia cho anh D số tiền 800.000.000đ vì sau khi lãnh tiền về đã chi phí hết khoảng 200.000.000 đồng. Anh D cho rằng chị C là người trúng thưởng và những người biết sự việc là anh D1, chị Y, anh Trà, chị Như và đặc biệt là lời khai của người bán vé số bà Đặng Kim T1 khẳng định chị C là người trúng số giải đặc biệt. Theo anh D sở dĩ vào ngày 03/8/2017 vợ chồng anh D, chị C để cho bà G đứng tên trong tờ vé số trúng là do anh D không mang theo chứng minh nhân dân còn chị C tuy có thẻ ATM ngân hàng Agribank nhưng đã bị hư, trước đó máy ATM nuốt nhiều lần và hôm đó chị C có mang theo chứng minh nhân dân hay không thì anh không biết, nhưng bà G thì có thẻ ATM có thể chuyển khoản được. Sau đó thì thống nhất rút bằng tiền mặt và người lãnh thưởng là bà G. Xét thấy, Tại Công văn số 316/NHNoTBP-TKSNB ngày 01/8/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh Tây Bình Phước xác định: Khách hàng Võ Thị Kim C sinh năm 1995; trú tại ấp T, xã T, huyện B có số tài khoản 5612205050191, mở tài khoản và phát hành thẻ ngày 22/3/2013 và đăng ký lại thẻ ngày 05/10/2017, lý do phát hành thẻ: Thẻ bị hỏng. Trong quá trình sử dụng, khách hàng Võ Thị Kim C không phát sinh việc nhận lại thẻ do cây ATM của Agribank chi nhánh B nuốt. Theo Ngân hàng thì trường hợp mất thẻ thì chủ tài khoản vẫn có thể sử dụng tài khoản

của mình rút tiền, chuyển tiền tại các quầy của chi nhánh Agribank trên toàn quốc. Và thực tế ngày 03/8/2017 chị C đã sử dụng tài khoản của mình cho bà G mượn để chuyển tiền vào tài khoản của chị C. Vì vậy, lý do anh D đưa ra để giải thích việc để bà G nhận thay cho vợ chồng anh là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét lời trình bày của người làm chứng là anh D1, chị Y cho rằng chị C là người trúng số, sau khi trúng thì chị C là người cho họ tiền thấy rằng: Sau khi đi lãnh thưởng về thì chị C có cho những người này tiền là có thật. Tuy nhiên, theo chị C thì số tiền cho họ là của bà G đưa cho chị C cho chứ không phải là tiền của chị C. Và lời trình bày này cũng được bà G thừa nhận vì những người này bà G không quen biết cho nên nhờ chị C cho. Bà G nghĩ rằng mình được hưởng lộc trời cho nên chia cho họ cùng hưởng.

Đối với lời khai của bà Đặng Kim T1 là người bán vé số cho rằng ngày 02/8/2017 bà có bán vé số với số lượng 100 tờ và khi bán bà T1 có ghi lại các số đã bán cho nên bà khẳng định bà bán vé số trúng cho chị C 01 tờ, bà Võ Thị X, sinh năm 1969 01 tờ, bà Võ Thị K sinh năm 1970 02 tờ, ông Bùi Văn M 01 tờ và bà Phụng, bà Nương không rõ họ tên nhưng những người này mỗi người 01 tờ. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã tiến hành xác minh theo lời khai của bà Đặng Kim T1 cho rằng chị C cùng những người có tên trên theo lời khai của bà T1: Bà Võ Thị X cho rằng bà có trúng 01 tờ vé số đặc biệt vào ngày 02/8/2017 do bà T1 là người bán cho bà. Bà là người trực tiếp đi nhận tiền tại Công ty xổ số kiến thiết Đồng Nai, sau khi trừ đi số tiền thuế phải nộp bà còn 1.801.000.000 đồng, bà có cho bà T1 1.500.000 đồng. Tương tự bà Võ Thị K và ông Bùi Văn M cũng cho rằng vào ngày 02/8/2017 bà K và ông M có mua vé số của bà T1 và có trúng giải đặc biệt, hai người này đều cho rằng họ trực tiếp đi nhận giải thưởng tại Công ty xổ số kiến thiết Đồng Nai, mỗi người lãnh 1.801.000.000 đồng và có cho bà T1 tiền.

Tuy nhiên, qua xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và tại Công văn số 408 XSKT và DVTH ngày 13/8/2019 của Công ty TNHH một thành viên XSKT và dịch vụ tỉnh Đồng Nai về việc phối hợp cung cấp chứng cứ trả thưởng cung cấp như sau: Công ty XSKT Đồng Nai kỳ vé 8k1 mở thường ngày thứ tư 02/8/2017, giải đặc biệt mang số 457308, kỳ thứ tư mỗi vé không chữ A,B,C,D,E,F,G và gồm 08 tờ trúng giải đặc biệt. Ngày trả thưởng 03/8/2017 gồm: Bà Phạm Thị G: 01 tờ có dãy chữ số 457308A, số tiền nhận thưởng 1.801.000.000 đồng (đã trừ thuế thu nhập người trúng thưởng) Lãnh tiền mặt tại Công ty; Bà Nguyễn Thị H 02 tờ số tiền lãnh thưởng 3.602.000.000 đồng đã trừ thuế phí và nhận tiền mặt tại Công ty; bà Ngô Thị X 01 tờ, số tiền lãnh thưởng 1.801.000.000 đồng; bà Hà Thị T T 01 tờ, số tiền lãnh thưởng 1.801.000.000 đồng. Ngày 04 và 09/8/2017 gồm: Ông Phùng Thanh A 02 tờ số tiền lãnh thưởng 3.602.000.000 đồng; ông Huỳnh Văn S 01 tờ số tiền lãnh thưởng 1.801.000.000 đồng, nhận tiền mặt tại Công ty.

Đối với người trúng thưởng theo bà Đặng Kim T1 trình bày thì không có tên những người trúng thưởng kỳ vé 8k1 ngày 02/8/2017 của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai. Như vậy lời trình bày của bà Đặng Kim T1 là người bán vé số và lời trình bày của ông Bùi Văn M, bà Võ Thị X, bà Võ Thị K là người cho rằng mình là người trúng giải đặc biệt của Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai và họ trực tiếp đi nhận tại Công ty là không có thật. Nếu những người này

trúng giải đặc biệt vào ngày 02/8/2017 và đi nhận trực tiếp tại Công ty xổ số thì Công ty xổ số cung cấp phải có tên của họ. Tuy nhiên Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Đồng Nai là đơn vị trả thưởng cho kỳ vé 8k1 giải đặc biệt vào ngày 02/8/2017 không có tên ai như bà T1 cung cấp cũng như lời trình bày của bà K, bà X, ông M là không đúng với sự thật. Vì vậy có căn cứ cho rằng bà T1 là người bán vé số vào ngày 02/8/2017 không có ai trúng giải đặc biệt như bà đã trình bày trước tòa, trong đó có chị C là người không trúng giải đặc biệt.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm lại căn cứ vào lời trình bày của bà T1, anh D1, bà Y và một số lời khai của các người làm chứng khác chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh D về việc yêu cầu chia tài sản sau ly hôn và buộc bà G, bà T phải có trách nhiệm trả cho anh D số tiền tổng cộng 800.000.000đồng là không đúng với sự thật khách quan của vụ án và cũng không đúng với đối tượng vì anh D cho rằng chị C là người trúng số nhưng thực tế thì chị C không phải là người trúng số mà người trúng số thực chất là bà G. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà G, bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn anh Lê Nguyên D là không có căn cứ để chấp nhận

[4] Về án phí:

+ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được tính lại như sau:

Anh D phải chịu 36.000.000đ. Được trừ vào số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016683 ngày 16/10/2017. Anh D tiếp tục phải nộp thêm số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

+ Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Võ Thị Kim C, bà Phạm Thị G và bà Phạm Thị T được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị C, bà G, bà T số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Võ Thị Kim C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị G và bà Phạm Thị T.
- Sửa Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 37/2018/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Điều 33, Điều 59, Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị định 126/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn anh Lê Nguyên D về việc yêu cầu chị Võ Thị Kim C phải chia cho anh D ½ số tiền trúng vé số là 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng).

Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh D phải chịu 36.000.000đ. Được trừ vào số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) tạm ứng án phí anh D đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0016683 ngày 16/10/2017. Anh D tiếp tục phải nộp thêm số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Võ Thị Kim C, bà Phạm Thị G và bà Phạm Thị T được chấp nhận nên các đương sự không phải chịu. Chi cục thi hành án dân sự huyện B trả lại cho chị Võ Thị Kim C số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016128 ngày 07/12/2018, trả lại bà Phạm Thị G số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016129 ngày 07/12/2018, trả lại bà Phạm Thị T số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016130 ngày 07/12/2018.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu (HS,TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Bùi Văn Bình